

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK giảm điểm sau khi Sở Y tế Hà Nội cho biết toàn thành phố có 7 ổ dịch mới và liên tục phát sinh ca mới

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

HPG, LTG

[Cập nhật công ty]

MSN

[Quan điểm đầu tư]

NDT có thể tiếp tục quay vòng, mở lại vị thế trading ngắn hạn khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ đã đề cập nhưng cần khống chế tỷ trọng tổng tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro

03/11/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,444.30	-0.56
VN30	1,530.65	+0.61
HĐTL VN30F1M	1,528.50	+0.29
HNXIndex	415.71	-1.98
HNX30	668.68	-2.64
UPCoM	106.98	+0.05
USD/VND	22,749	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.15	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.61	+6
Dầu (WTI, \$)	82.30	-1.92
Vàng (LME, \$)	1,783.83	-0.22



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,444.30 (-0.56%)
KLGD (triệu CP) 1,505.1 (+60.1%)
GTGD (triệu US\$) 1,899.4 (+49.8%)

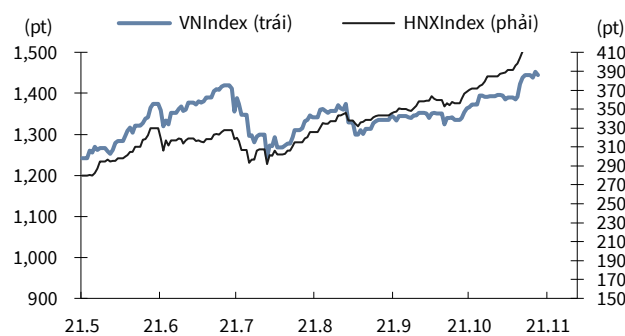
HNXIndex 415.71 (-1.98%)
KLGD (triệu CP) 221.1 (+14.5%)
GTGD (triệu US\$) 227.5 (+20.6%)

UPCoM 106.98 (+0.05%)
KLGD (triệu CP) 170.1 (+14.5%)
GTGD (triệu US\$) 148.4 (+31.9%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +11.3

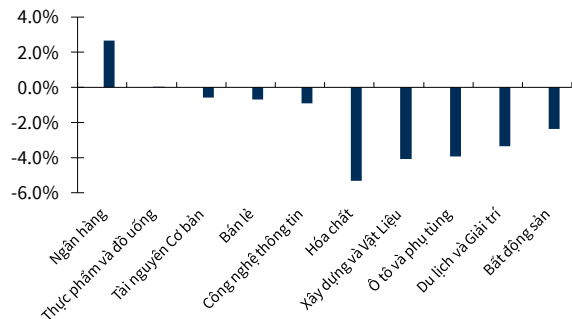
TTCK giảm điểm sau khi Sở Y tế Hà Nội cho biết toàn thành phố có 7 ổ dịch mới và liên tục phát sinh ca mới. Reuters cho biết các nước tiêu thụ năng lượng lớn khác đang gia tăng sức ép để các nước thành viên của Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ cùng các đối tác sản xuất dầu (OPEC+) tăng sản lượng, hạ nhiệt giá dầu, cổ phiếu ngành dầu khí giảm ở GAS (-1.3%), PVS (-3.6%). Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) cho biết giá cao su dự báo sẽ có chiều hướng tăng khi sản lượng tại các quốc gia sản xuất vẫn chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid, cổ phiếu ngành cao su tăng ở PHR (+1.4%), TNC (+0.5%). Bất động sản Việt Nam (VNRea) cho biết thị trường bất động sản Việt Nam sụt giảm liên tiếp trong 3 quý đầu năm 2021, sang quý IV - giai đoạn bình thường mới, thị trường địa ốc được kỳ vọng đi ngang nhưng vẫn sẽ thấp hơn so với các năm trước, khiến giá cổ phiếu ngành bất động sản giảm ở NLG (-7.0%), HDC (-7.0%). Khối ngoại mua ròng ở HPG (+0.2%), GEX (-2.2%), VHM (-2.5%).

VNIndex & HNXIndex



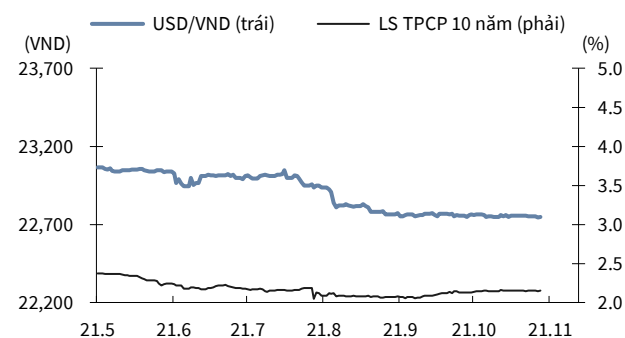
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

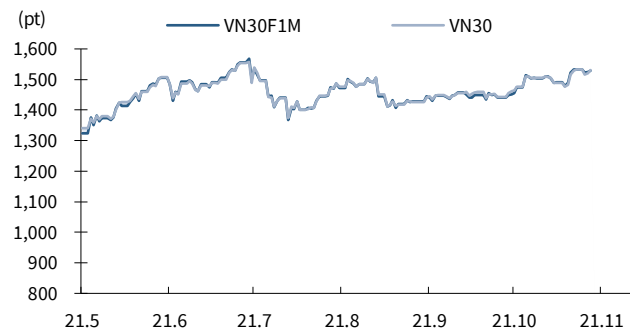
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,530.65 (+0.61%)
VN30F1M	1,528.5 (+0.29%)
Mở cửa	1,524.4
Cao nhất	1,538.3
Thấp nhất	1,520.1

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. F2111 tăng điểm tích cực hơn chỉ số VN30 trong đầu phiên giao dịch, chênh lệch đạt cao nhất ở mức 6.05 sau đó đảo chiều và biến động giằng co, đóng cửa ở mức -2.15 điểm. Khối ngoại giao dịch cân bằng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường tăng.

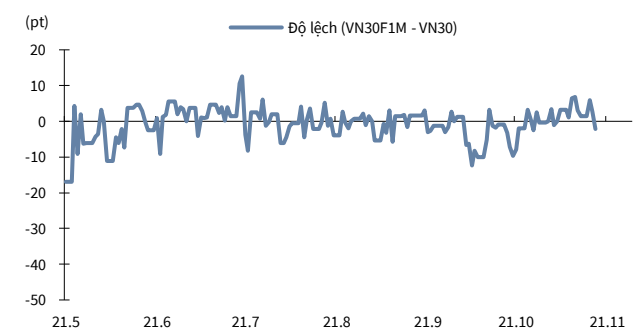
KLGD (HĐ)	167,306 (+38.0%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



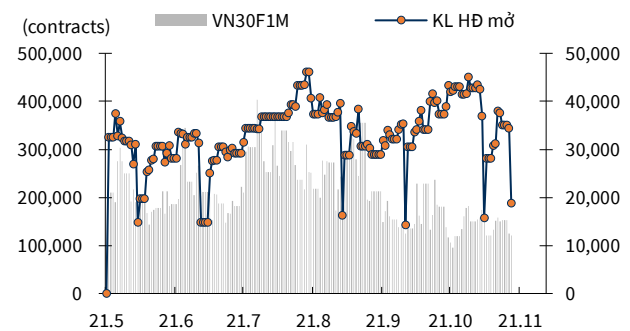
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



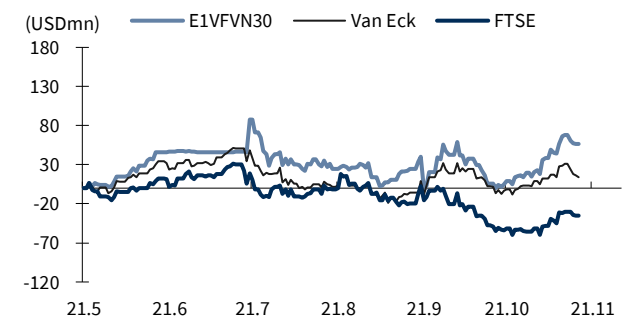
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

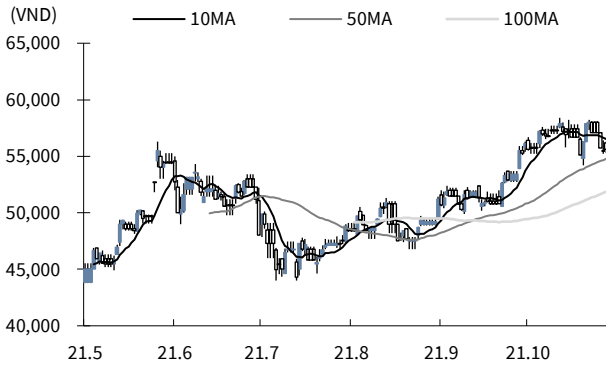
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

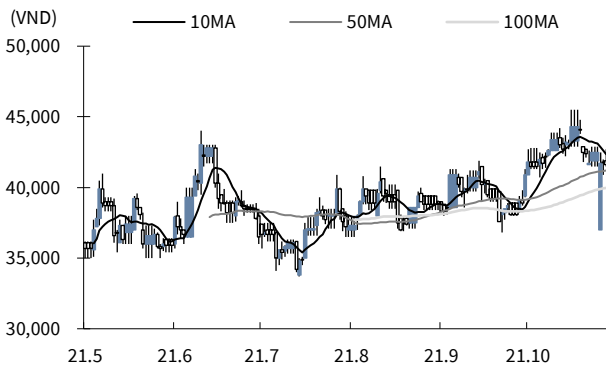
Tập đoàn Hoà Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 0.18% lên 55,600 VND/cp.
- V#DailyFocusTextLight Tập đoàn Hòa Phát thông báo sản lượng bán hàng tháng 10 đạt 968,000 tấn thép các loại (+64% YoY và +31% MoM).
- HPG cho biết sản lượng tăng mạnh nhờ các dự án đầu tư công được đẩy mạnh tiến độ giải ngân và hoạt động sản xuất kinh doanh được trở lại trạng thái bình thường mới.

Tập đoàn Lộc Trời (LTG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- LTG tăng 0.24% lên 41,600 VND/cp.
- V#DailyFocusTextLight Tập đoàn Lộc Trời công bố lợi nhuận hợp nhất quý III đạt 57 tỷ đồng (-51.4%% YoY) và doanh thu đạt 1,992 tỷ đồng (+12.4% YoY).
- 9 tháng đầu năm, doanh thu màng lương thực (gạo) đạt 3,199 tỷ đồng (+350% YoY), doanh thu thuốc bảo vệ thực vật đạt 3,161 tỷ đồng (tăng 31.7%) và hạt giống đạt 652 tỷ đồng (tăng 28% YoY).

CTCP Tập đoàn Masan (MSN)

KQKD quý 3 đi đúng kế hoạch cho năm 2021

Chúng tôi đã tham gia sự kiện Analyst Meeting Q3/2021 và ghi nhận một số thông tin chính về KQKD sơ bộ quý 3/2021 cũng như triển vọng, kế hoạch của công ty trong tương lai.

KQKD hợp nhất 9T2021 tăng trưởng mạnh mẽ và đi đúng hướng

- Tổng quan, doanh thu hợp nhất sau 9 tháng đầu năm 2021 đạt 64,801 tỉ đồng (+16.5% YoY), do tăng trưởng tốt ở hầu hết các mảng kinh doanh: MCH (+14.3%), MML (+32.8%) và MHT (+89.3%). Ngoài ra, chuỗi siêu thị Wincomerce (WCM) cũng tăng trưởng trong Q3/2021 (21.2% YoY), lũy kế 9T2021 tăng trưởng 1.3% YoY.
- EBITDA hợp nhất của tập đoàn tăng 70.3% YoY, đạt 11,070 tỉ đồng. Biên EBITDA tăng mạnh lên 17.1% so với 11.7% trong 2020, chủ yếu nhờ cải thiện EBITDA từ hệ thống WCM (+870 điểm cơ bản), đạt 3.4%; các mảng kinh doanh khác hầu hết giữ được biên ổn định, trừ MML do ảnh hưởng giá hàng hoá dẫn tới kết quả tiêu cực cho mảng thức ăn chăn nuôi.
- Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông của công 9T2021 tăng 119.5% YoY, đạt 2,126 tỷ đồng. Tuy nhiên, xét riêng thu nhập từ hoạt động kinh doanh (không bao gồm khoản lãi/lỗ do sáp nhập kinh doanh), 9T2021 tốc độ tăng trưởng ở mức rất cao, đạt 1,864% YoY.
- Nhìn chung, theo BLĐ công ty, MSN tự tin có thể hoàn thành được kế hoạch kinh doanh đã đề ra như công bố tại ĐHCĐ. Cụ thể, BLĐ kì vọng doanh thu và lợi nhuận thuần tiền mặt sau thuế của quý 4/2021 đóng góp 28% và 33% vào kết quả kinh doanh cho năm 2021.

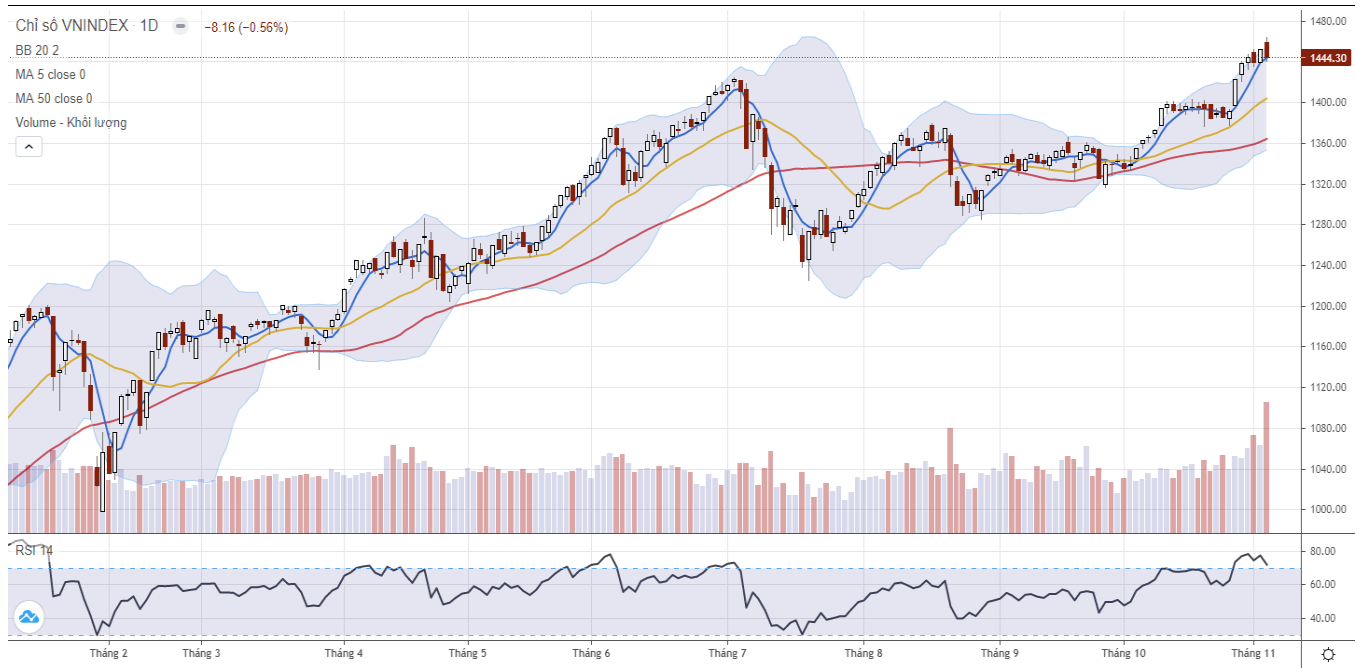
Các mảng kinh doanh đều đạt kết quả tích cực

- WCM (Wincomerce) có doanh thu thuần sau 9T2021 tăng trưởng 1.3% YoY mặc cho số điểm bán lẻ ít hơn 200 điểm so với cùng kì, chủ yếu đến từ phân khúc siêu thị mini tăng trưởng mạnh, bù đắp cho ảnh hưởng xấu tới phân khúc siêu thị. WCM ghi nhận quý đầu tiên có lãi, đạt 137 tỷ đồng. BLĐ tự tin về khả năng mở rộng chuỗi siêu thị trong tương lai, ngoài ra đang tối ưu hệ thống bán hàng online.
- MCH tiếp tục có tốc độ tăng trưởng tốt, tận dụng được lợi thế cộng hưởng với WCM. Các ngành hàng đều có tốc độ tăng trưởng dương trừ cà phê và HPC. Doanh thu tăng trưởng 14.3% YoY sau 9T2021.
- MML mảng thịt mát có thương hiệu MEATDeli (không gồm trang trại, 3F Việt và thức ăn chăn nuôi) đạt NPAT Post-MI dương lần đầu vào quý 3/2021. Doanh thu thuần 9T2021 tăng 32.8% YoY, chủ yếu nhờ mảng thịt tích hợp tăng mạnh. BLNG sau 9T2021 giảm YoY do ảnh hưởng từ giá cả hàng hoá tác động tới biên mảng thức ăn chăn nuôi.
- MHT tăng trưởng doanh thu 89.3% YoY, nhờ doanh thu vonfram tăng mạnh do sáp nhập HC Starck, giá amoniac para-vonfram (APT) cao hơn trong Q3/2021. Doanh thu từ florit giảm do sản lượng giảm (sự cố máy móc); doanh thu bismuth đã có doanh thu sau nửa đầu năm bảo trì dây chuyền sản xuất. Ngoài ra, mảng đồng không ghi nhận doanh thu trong quý 3/2021. Nhìn chung, triển vọng tương lai vẫn khởi sắc nhờ giá cả sản phẩm đều cao hơn.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

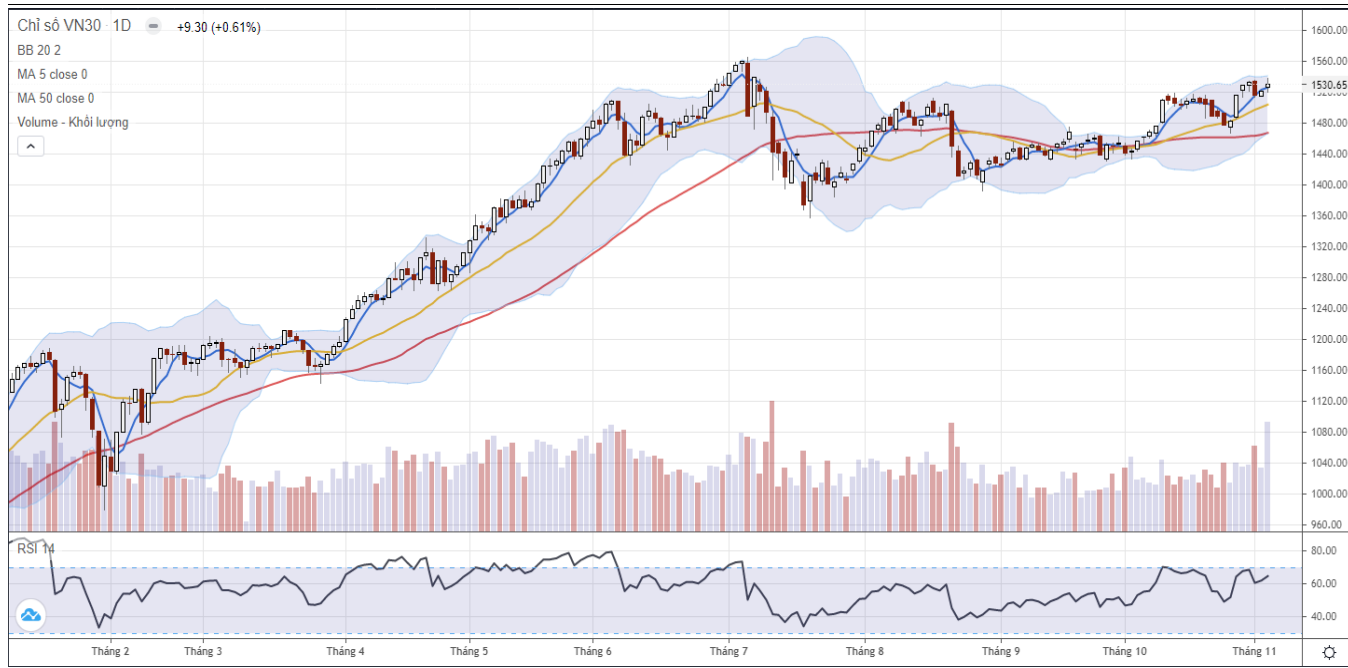
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



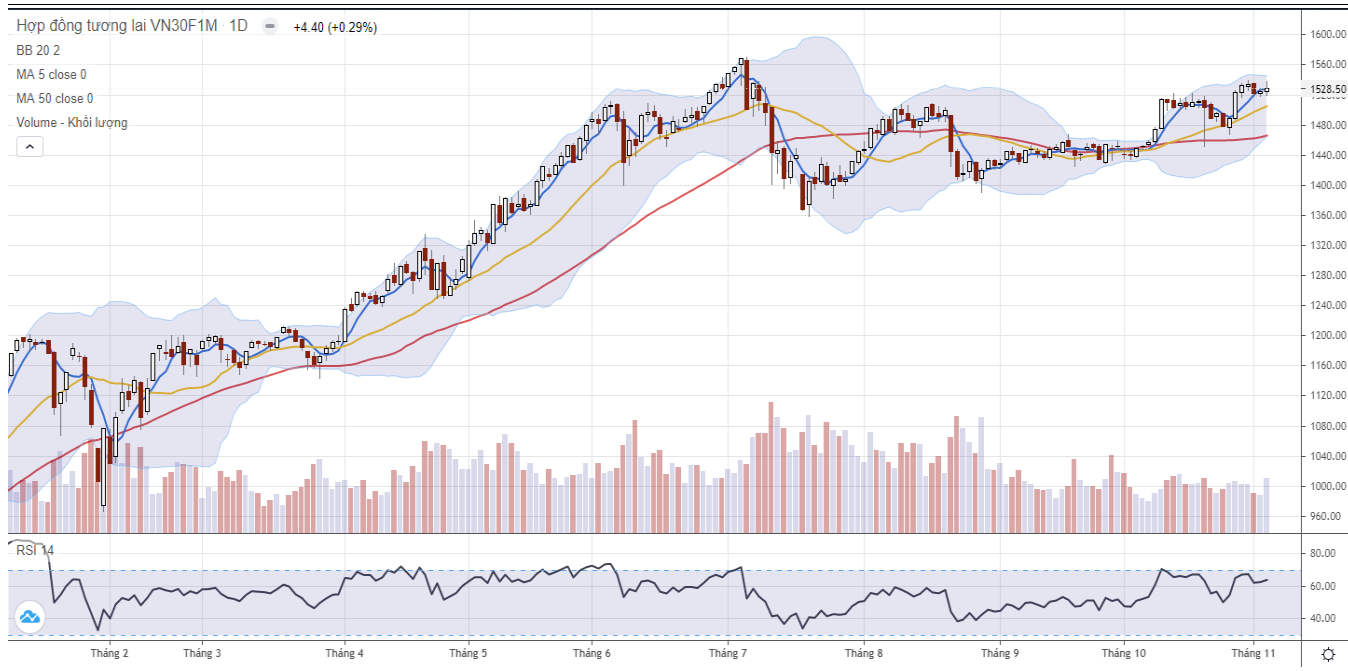
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp bật tăng ngay đầu phiên, chớm vượt vùng cản 145x, VNIndex đã sớm đảo chiều và lao dốc về cuối phiên.
- Như vậy, phiên hôm nay chưa được xem là phiên vượt cản thành công và việc tiếp tục xuất hiện thêm 1 phiên phân phối lớn sau nhịp tăng kéo dài khiến chỉ số đối mặt với rủi ro điều chỉnh về những vùng sâu hơn. Mặc dù vậy, sau một nhịp sụt giảm từ đỉnh, VNIndex sẽ có cơ hội hồi phục trở lại tại vùng hỗ trợ gần quanh 1420.
- NĐT có thể tiếp tục quay vòng, mở lại vị thế trading ngắn hạn khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ đã đề cập nhưng cần khống chế tỷ trọng tổng tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1541 - 1545

Kháng cự gần: 1532 - 1537

Hỗ trợ gần: 1514 - 1519

Hỗ trợ xa: 1503 - 1508

- Sau những nỗ lực vượt cản bất thành trong phiên, F1 đảo chiều điều chỉnh trở lại và diễn biến giằng co về cuối phiên.
- Việc tiếp tục xuất hiện thêm 1 phiên phân phối lớn sau nhịp tăng kéo dài khiến chỉ số đối mặt với rủi ro điều chỉnh về những vùng sâu hơn. Mặc dù vậy, sau một nhịp sụt giảm từ đỉnh, F1 sẽ có cơ hội hồi phục trở lại tại vùng hỗ trợ 150x.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục áp dụng chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều, Long tại hỗ trợ và Short tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Stop vị thế Long đã mở nếu F1 phá vỡ vùng hỗ trợ gần nhưng kê mở lại khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ xa trong phiên.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

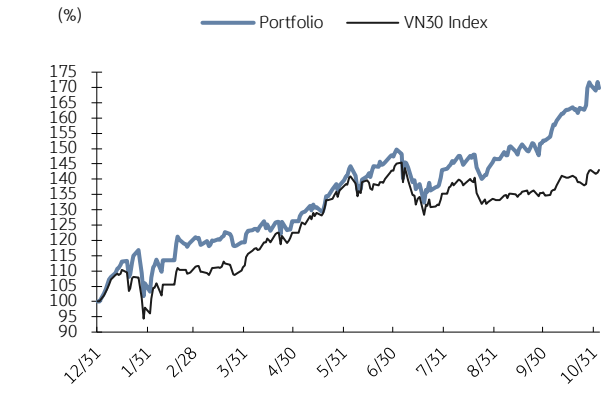
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.61%	-1.11%
Tăng lũy kế (YTD)	42.95%	69.89%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 03/11/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	128,800	-0.1%	66.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	57,900	-6.9%	136.8%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	104,500	-0.5%	36.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	29,150	2.6%	131.6%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	72,300	0.0%	112.6%	- Mạng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	96,100	0.0%	230.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	33,000	1.9%	74.6%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	120,000	-1.3%	63.5%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	55,600	0.2%	284.1%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	48,000	-7.0%	250.4%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	0.2%	24.9%	266.2
GEX	-2.2%	9.7%	85.3
VHM	-2.5%	22.9%	64.9
KBC	-7.0%	15.0%	47.4
NVL	-2.7%	8.6%	46.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HSG	-1.9%	11.9%	-83.9
MSN	0.0%	32.2%	-58.8
VNM	-1.1%	54.8%	-154.5
TPB	0.9%	30.0%	-16.7
OCB	6.9%	21.9%	-27.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
CEO	-7.7%	17.2%	4.7
NBC	-6.3%	4.8%	1.2
PLC	-5.8%	1.0%	0.7
MCF	-8.6%	5.9%	0.7
PGS	-1.7%	1.5%	0.6

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCS	-3.2%	3.7%	-9.9
DL1	-9.6%	1.5%	-3.3
PDB	6.6%	6.0%	-1.7
BCC	-7.9%	1.5%	-1.6
HLD	-10.0%	7.5%	-1.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	6.4%	VND, VCI
Ngân hàng	4.7%	BID, VCB
Xây dựng và Vật Liệu	2.8%	VCG, VGC
Truyền thông	2.0%	ADG, PNC
Ô tô và phụ tùng	1.9%	TCH, HHS

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	-5.4%	HVN, VJC
Tài nguyên Cơ bản	-4.1%	HPG, HSG
Dầu khí	-3.7%	PLX, PVD
Bán lẻ	-2.3%	MWG, DGW
Bảo hiểm	-1.6%	BVH, BMI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	11.8%	VND, VCI
Xây dựng và Vật Liệu	10.3%	VGC, DPG
Truyền thông	9.5%	ADG, YEG
Ngân hàng	8.6%	VPB, CTG
Bất động sản	7.8%	VIC, VHM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	-4.0%	HVN, DSN
Tài nguyên Cơ bản	-0.7%	HPG, HSG
Dầu khí	0.7%	PLX, PVD
Bán lẻ	0.9%	DGW, AST
Y tế	1.7%	TNH, VMD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDm)	GTGD (VNĐ tỷ, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	203,422 (8.9)	22.5	60.7	47.8	14.7	5.0	5.7	4.0	3.7	-0.5	0.3	8.7	-0.9
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	505,582 (22.2)	26.6	10.6	10.1	35.9	33.1	27.0	3.1	2.4	-2.5	2.3	7.7	20.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	197,655 (8.7)	17.8	36.3	20.7	-7.6	6.9	10.5	2.4	2.3	2.8	1.6	12.4	1.0
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	322,781 (14.2)	31.3	36.4	21.3	6.7	18.0	16.3	4.3	3.6	-2.7	1.3	3.1	118.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	161,588 (7.1)	11.6	28.1	20.4	18.0	12.3	14.7	3.2	2.7	-6.3	-1.7	14.3	77.2
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	190,313 (8.4)	13.9	14.3	9.8	-	14.5	18.5	2.0	1.6	-6.6	-0.6	23.9	68.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	103,006 (4.5)	6.3	18.6	14.6	11.7	19.7	20.1	3.2	2.5	0.8	2.7	2.9	0.8
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	65,163 (2.9)	12.7	18.6	13.2	-5.3	13.2	16.8	2.0	1.9	2.6	7.9	11.0	-10.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	840,906 (37.0)	0.0	11.1	9.3	14.3	20.6	20.2	2.1	1.7	4.1	4.3	9.6	70.5
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	335,316 (14.7)	1.4	10.2	8.2	61.1	18.5	20.3	1.5	1.3	1.9	6.1	10.9	23.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	393,635 (17.3)	0.0	13.4	11.4	18.8	18.5	16.6	2.2	1.9	2.3	1.2	8.2	112.7
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	306,954 (13.5)	0.0	9.2	7.6	14.6	22.1	22.3	1.7	1.4	2.6	2.6	6.2	72.7
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	76,295 (3.4)	4.2	9.8	8.6	23.3	21.9	21.0	1.8	1.5	6.3	7.9	9.5	43.2
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	353,033 (15.5)	14.0	-	-	26.5	10.7	11.6	1.5	1.4	4.7	5.3	13.0	65.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	200,139 (8.8)	0.0	10.4	8.7	37.5	22.6	20.3	2.0	1.6	0.9	2.1	3.8	64.9
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	8,666 (0.4)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	4.2	10.4	13.6	34.8
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	109,003 (4.8)	21.0	26.7	25.8	15.8	8.7	8.6	2.2	2.1	-2.0	-2.2	9.7	-3.8
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	46,668 (2.1)	14.2	18.3	18.9	9.1	12.0	12.0	2.0	1.9	-3.3	-3.9	9.0	72.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	458,453 (20.1)	55.4	16.0	14.3	-3.2	17.3	17.7	-	-	-1.5	3.2	6.4	90.7
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	325,324 (14.3)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-1.6	8.1	18.5	135.1
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	164,303 (7.2)	52.4	-	-	-25.5	-	-	-	-	-1.4	4.2	3.2	66.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	375,721 (16.5)	27.2	13.1	22.2	36.3	-	-	4.4	4.0	-1.3	11.8	20.8	218.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	309,273 (13.6)	42.1	18.5	17.2	4.0	32.8	34.1	5.7	5.4	-1.1	-2.4	-1.8	-18.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	23,200 (1.0)	36.9	25.9	21.5	7.3	21.2	23.0	5.0	4.4	4.5	7.9	11.9	-11.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	144,313 (6.3)	16.5	50.0	29.4	-51.9	18.1	22.9	8.8	6.8	0.0	-0.9	3.9	63.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	40,737 (1.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-2.6	1.1	6.6	-48.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	115,877 (5.1)	11.0	-	36.4	-88.5	0.4	16.2	-	-	-1.7	-3.1	0.8	3.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	194,082 (8.5)	10.8	29.5	20.6	-57.0	9.3	12.6	2.5	2.3	-2.7	-1.0	3.9	55.2
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	114,931 (5.1)	38.4	41.9	13.3	65.7	3.1	8.4	1.3	1.2	-6.4	1.4	21.6	5.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	64,782 (2.8)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-2.0	3.4	10.9	129.2
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	207,007 (9.1)	37.7	-	-	-13.2	12.1	12.7	-	-	-2.2	13.1	25.7	61.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	23,807 (1.0)	3.6	36.3	17.7	-52.4	1.8	3.7	0.6	0.6	-0.8	-0.7	6.2	-8.0
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	51,308 (2.3)	0.0	13.6	11.4	-4.5	13.2	14.1	1.7	1.6	0.0	-4.9	9.7	47.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm)	GTGD (VNDtrệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	245,059 (10.8)	46.1	25.1	20.3	-17.5	18.5	21.3	4.6	4.2	-1.3	-1.4	15.9	38.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	29,135 (1.3)	31.4	14.0	10.8	-10.5	12.4	14.9	1.5	1.6	-2.2	-3.0	9.7	-8.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	7,072 (0.3)	34.1	19.7	11.8	-5.1	7.3	12.6	1.5	1.4	-0.7	-0.4	-0.2	-6.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,540,595 (67.7)	18.0	7.8	7.9	21.9	41.4	29.4	2.7	2.0	0.2	-4.0	4.1	81.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (286)	338,733 (14.9)	36.5	15.4	20.1	-0.5	15.7	10.6	2.1	2.0	-6.5	-0.9	20.7	144.7
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	224,251 (9.9)	46.5	21.8	20.5	-4.5	13.3	13.6	2.6	2.5	-3.7	3.0	15.8	133.2
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	505,187 (22.2)	38.9	6.7	6.9	67.9	26.8	21.5	1.6	1.4	-1.9	-6.5	-3.9	123.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	111,126 (4.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-4.6	-2.3	7.4	27.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	100,134 (4.4)	4.6	18.5	16.3	-51.0	16.3	17.3	2.8	2.8	-2.4	-4.2	2.1	-2.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	246,045 (10.8)	39.9	823.5	26.3	-11.9	0.0	3.4	0.9	0.8	-0.4	-1.2	19.1	73.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	132,227 (5.8)	35.9	11.7	10.2	1.2	14.6	14.9	1.6	1.4	-2.4	-4.8	6.2	76.8
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	181,860 (8.0)	0.0	19.1	14.7	13.7	24.7	27.4	4.2	3.7	-0.1	-2.4	2.1	62.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	62,983 (2.8)	0.0	22.6	18.4	2.4	19.8	22.2	4.3	3.7	-0.5	2.6	5.6	29.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	4,201 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-5.0	-0.6	5.6	-65.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	80,830 (3.6)	30.3	43.4	27.0	-75.2	8.0	12.1	3.4	3.1	-6.7	2.9	10.6	64.4
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	57,890 (2.5)	34.6	20.7	10.2	41.2	13.6	27.3	2.6	2.5	1.4	4.1	23.1	0.8
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,539 (0.1)	45.4	18.1	17.0	10.7	19.9	20.3	3.5	3.1	-1.2	3.1	2.2	-1.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	187 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.0	0.1	-0.5	7.3
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	229,774 (10.1)	0.0	21.4	18.0	15.5	24.1	25.3	4.5	4.1	0.0	-2.1	3.4	87.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.